

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH, TIỀN TỆ, NGOẠI HỐI

Tuần từ 27/05 – 03/06

PHÒNG PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM
VÀ GIÁM SÁT GIAO DỊCH VỐN

Mỹ	Chỉ số DXY có xu hướng giảm trong tuần này, chốt tuần ở mức 104,67 sau khi dữ liệu công bố cho thấy tốc độ tăng trưởng kinh tế không đạt kỳ vọng và lạm phát tại Mỹ đạt dự báo trước đó (GDP Q1/24 chỉ tăng 1,3% quy năm so với kỳ vọng 3,4%, tiêu dùng tăng 2,0% so với kỳ vọng 3,3%, lạm phát PCE T4 đã tăng 0,3% so với tháng trước). Các nhà phân tích cho rằng những tín hiệu kinh tế trái chiều gần đây khó có thể chắc chắn rằng liệu Fed có thực hiện cắt giảm lãi suất vào tháng 9 hay không.
Khu vực đồng Euro	EUR giảm 0,04% trong tuần này, EUR/USD chốt tuần ở mức 1,0841 trong bối cảnh dữ liệu cho thấy áp lực giá tại khu vực đồng Euro tăng nhanh hơn dự kiến trong tháng 5 (lạm phát CPI tăng 2,9% so với cùng kỳ năm trước so với dự báo 2,7%). Theo Reuter, hiện nay thị trường vẫn giữ vững quan điểm về đợt cắt giảm lãi suất đầu tiên tại cuộc họp ngày 06/06 sắp tới của NHTW châu Âu.
Anh	GBP giảm 0,01% và chốt tuần ở mức 1,2739. NHTW Anh dự kiến sẽ cắt giảm lãi suất vào mùa hè, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng GDP mạnh hơn dự kiến gần đây có thể đẩy lùi thời gian dự kiến cho đến sau khi NHTW châu Âu bắt đầu có những động thái mới.
Nhật Bản	USD/JPY tăng 0,2% và chốt tuần ở mức 157,31 trong bối cảnh Bộ Tài chính Nhật Bản xác nhận đã chi ~62,2 tỷ USD can thiệp vào thị trường ngoại hối để hỗ trợ đồng JPY. Hiện nay, thời điểm BOJ cắt giảm lãi suất vẫn chưa chắc chắn khi lạm phát lõi CPI ở Tokyo đã tăng trong tháng 5 (2,2% so với mức 1,8% vào tháng 4), tuy nhiên lạm phát không gồm nhiên liệu lại có xu hướng giảm (tăng 1,7% so với mức 1,8% vào tháng 4).
Trung Quốc	USD/CNY giảm về mức 7,2327 vào phiên cuối tuần do ảnh hưởng từ sự yếu đi của đồng USD, tuy nhiên, mức giảm không mạnh khi hoạt động sản xuất của Trung Quốc bất ngờ giảm trong tháng 5 (PMI sản xuất chỉ đạt 49,5 so với kỳ vọng 50,5).

Lãi suất

- Lãi suất MM **giảm 45 – 220bps** trong tuần này: lãi suất kỳ hạn O/N-1W còn **2,93%-3,7%/năm**, 1M về mức **5%/năm**.
- Trong tuần, thị trường mở ở trạng thái hút ròng: khối lượng giao dịch reverse repo đạt ~11.684 tỷ VND so với lượng đáo hạn là ~ 27.888 tỷ VND; khối lượng tín phiếu đạt 30.200 tỷ VND so với lượng đáo hạn 6.700 tỷ VND. Lãi suất trúng thầu tín phiếu tăng lên mức 4,25%/năm.
- Trong tuần từ 03/06, dự kiến đáo hạn ~33.940 tỷ VND tín phiếu và ~70.083 tỷ VND reverse repo. Trong bối cảnh thanh khoản vẫn dư thừa và lãi suất trúng thầu vẫn ở mức cao, mặt bằng lãi suất MM dự kiến sẽ duy trì quanh mức trên 4%/năm.

Tỷ giá

- USD/VND LNH **giảm ~0,14%** so với tuần trước, tỷ giá USD/VND tiếp tục dao động sát mức giá bán niêm yết của NHNN trong tuần này. Tỷ giá LNH đã **tăng ~4,91%** kể từ đầu năm và **tăng 8,30%** so với cùng kỳ năm trước.
- Tỷ giá thị trường tự do giữ ở mức **25.855** (chiều bán), cao hơn **~381 đồng** so với tỷ giá bán niêm yết của VCB.
- Trước thông tin NHNN điều chỉnh phương án bình ổn giá thị trường vàng, bán vàng trực tiếp qua 4 NHTMNN, giá vàng SJC bắt đầu **giảm** và chót tuần vừa qua ở mức **thấp nhất** kể từ đầu tháng 5, ~88,5 triệu đồng/lượng chiều bán ra, thu hẹp khoảng cách với giá vàng quốc tế xuống mức ~12,5 triệu đồng/lượng, dự báo tiếp tục giảm trong tuần này.
- Tuần tới, tỷ giá LNH dự kiến dao động trong khoảng +/- 50 đồng.

Trái phiếu chính phủ

Sơ cấp

- Trong 2 tuần, KBNN phát hành thành công **1.050 tỷ đồng/ 9.000 tỷ VND** gọi thầu. Tổng khối lượng phát hành từ đầu năm đạt **127.031 tỷ VND**, đạt **31,7%** kế hoạch cả năm (400 nghìn tỷ đồng).
- Tỷ lệ trúng thầu kỳ hạn 5 năm đạt 40%, 30 năm đạt 5%, các kỳ hạn 7 năm, 10 năm và 15 năm không trúng thầu.
- Lợi suất trúng thầu **tăng 5bps** tại kỳ hạn: 5 năm – **1,8%/năm** và 30 năm – **3,1%/năm**.

Thứ cấp

- Lãi suất TPCP thứ cấp các kỳ hạn 5, 10 và 15 năm **giảm** trong bối cảnh lãi suất MM giảm và tỷ giá ổn định hơn. Lợi suất ở các kỳ hạn 5, 10 và 15 năm **giảm 1 – 7 bps** lần lượt còn **2,04%/năm, 2,85%/năm và 3,02%/năm**.
- Dự kiến với lãi suất tín phiếu và reverse tăng lên mức 4,5%/năm và 4,25%/năm, và mặt bằng MM vẫn ở mức cao, lợi suất trong tuần có thể dao động +/- 5-10 bps.

Cà phê

- Thị trường cà phê có xu hướng **tăng** trong tuần này. Nguồn cung thấp và giá cao tiếp tục gây áp lực lên giá cà phê Robusta và Arabica. Cụ thể, giá cà phê Robusta và Arabica kỳ hạn 7/2024 **tăng** lần lượt lên mức **4.270 USD/tấn** và **2,33 USD/lb**.

Ngũ cốc

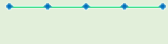
- Giá lúa mì **giảm 2,54%** so với tuần trước, xuống mức **6,80 USD/brushel** khi triển vọng mùa vụ tích cực của các quốc gia lớn ảnh hưởng tới giá. Giá ngô giảm mạnh trong tuần khi thời tiết thuận lợi thúc đẩy hoạt động sản xuất trồng trọt tại Mỹ, **giảm 3,35%** so với tuần trước xuống mức **4,48 USD/brushel**.

Kim loại

- Giá đồng **giảm 2,99%** xuống mức **4,65 USD/lb** trong bối cảnh lãi suất cao dẫn tới lo ngại của thị trường về hạn chế nhu cầu kim loại, đặc biệt là ở Trung Quốc. Nhu cầu giảm tại Trung Quốc cũng kéo giá quặng sắt xuống mức thấp nhất trong 2 tuần, xuống mức **117.74 USD/tấn**.

Năng lượng

- Giá dầu có xu hướng **giảm** vào cuối tuần sau khi Mỹ công bố nhu cầu nhiên liệu yếu hơn dự kiến và sự gia tăng dự trữ xăng và các sản phẩm chưng cất. Dầu WTI đạt mức **77,9 USD/thùng**, trong khi đó dầu Brent chạm mức **81,89 USD/ounce**. Dữ liệu nhu cầu nhiên liệu yếu và tăng dự trữ dầu thô có thể khiến các nhà sản xuất OPEC+ xem xét giảm sản lượng trong cuộc họp Tháng 6 sắp tới.

	31/05/2024	5 phiên qua	5D (+/-)	MTD (+/-)	YTD (+/-)	YOY (+/-)
Chỉ số USD	104,671		▼ -0,05%	▼ -1,20%	▲ 3,29%	▲ 0,33%
EUR/USD	1,0841		▼ -0,04%	▲ 1,39%	▼ -1,77%	▲ 1,43%
GBP/USD	1,2739		▼ -0,01%	▲ 2,00%	▲ 0,08%	▲ 2,43%
AUD/USD	0,6652		▲ 0,38%	▲ 1,82%	▼ -2,32%	▲ 2,34%
USD/JPY	157,310		▲ 0,20%	▼ -0,64%	▲ 11,52%	▲ 12,90%
USD/CNY	7,2415		▼ -0,01%	▼ -0,07%	▲ 2,02%	▲ 1,84%
USD/KRW	1.381,68		▲ 1,15%	▲ 0,38%	▲ 6,74%	▲ 4,63%
Giá vàng (USD/oz)	2.327,6		▼ -0,29%	▼ -0,46%	▲ 12,83%	▲ 18,57%
Tỷ giá VCB bán	25.474		▼ -0,01%	▲ 0,06%	▲ 4,23%	▲ 7,67%
Tỷ giá trung tâm	24.261		▼ -0,01%	▲ 0,06%	▲ 1,66%	▲ 2,31%
Tỷ giá SBV mua	23.400		0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
Tỷ giá SBV bán	25.450		0,00%	0,00%	▲ 1,76%	▲ 2,42%
Tỷ giá TT tự do	25.855		▲ 0,21%	▲ 0,24%	▲ 4,29%	▲ 10,06%
Giá vàng SJC	88.500		▼ -1,12%	▲ 4,98%	▲ 19,59%	▲ 32,19%

* Giá tham khảo. Nguồn: Refinitiv

	31/05/2024	5 phiên qua	5D (+/-)	MTD (+/-)	YTD (+/-)	YOY (+/-)
Lãi suất SOFR	đơn vị: %		đơn vị: bps			
3M	5,33		0,2	1,4	-2,5	15,8
6M	5,34		0,0	1,5	1,1	5,0
TPCP Mỹ	đơn vị: %					
2Y	4,88		-7,0	-16,0	62,8	46,9
10Y	4,50		3,6	-17,9	63,6	85,6
Lãi suất MM	đơn vị: %		đơn vị: điểm %			
1W	3,70		-1,58	-1,12	0,42	-0,46
1M	5,00		-0,45	0,05	2,44	0,42
Lãi suất repo	đơn vị: %		đơn vị: điểm %			
2W	4,70		-0,70	-0,30	2,00	0,60
1M	5,10		-0,30	0,10	2,40	0,70
TPCP VN thứ cấp	đơn vị: %		đơn vị: bps			
5Y	2,037		-1,3	-5,4	50,4	-39,6
7Y	2,314		-3,9	0,8	37,3	-45,1
10Y	2,849		-7,1	5,6	61,2	-29,0
15Y	3,021		-4,2	2,5	58,6	-27,5

* Giá tham khảo. Nguồn: Refinitiv

DỮ LIỆU KINH TẾ VĨ MÔ

	Đơn vị	02/23	03/23	04/23	05/23	06/23	07/23	08/23	09/23	10/23	11/23	12/23	01/24	02/24	03/24	04/24	05/24
Chỉ báo tiêu dùng																	
Bán lẻ, dịch vụ	% yoy	13,2	13,4	11,5	11,5	6,5	7,1	7,6	7,5	7,0	10,1	9,3	8,1	8,5	9,2	9,0	8,7
- Bán lẻ hàng hoá	% yoy	10,5	11,3	9,7	10,9	6,0	7,0	7,5	7,4	6,7	9,1	8,6	7,3	7,0	7,6	7,2	7,4
- Dịch vụ lưu hành	% yoy	94,7	113,9	86,0	40,3	7,8	6,5	21,3	44,9	51,4	70,9	71,3	18,5	35,8	66,1	57,6	45,1
Vận tải hành khách	% yoy	23,7	17,4	17,0	13,6	1,8	5,3	5,9	5,7	6,5	5,1	8,5	3,0	14,3	9,4	8,2	6,1
Vận tải hàng hoá	% yoy	27,8	24,0	21,0	20,7	10,9	9,8	13,6	12,5	11,9	7,7	8,2	1,8	13,5	13,3	11,5	11,4
Khách quốc tế	% yoy	3060,8	2045,2	871,0	429,8	312,0	194,6	150,3	144,1	129,7	106,6	93,9	10,3	64,1	78,6	58,2	64,9
Chỉ báo sản xuất																	
Sản xuất công nghiệp	yoy	3,6	-1,6	0,5	0,1	2,8	3,7	2,6	5,1	4,1	5,8	5,8	18,3	5,7	4,1	6,3	6,8
- Chế biến chế tạo	yoy	3,3	-1,6	0,2	-0,5	2,9	3,6	3,5	5,9	4,9	6,3	7,6	19,3	5,9	4,6	7,0	7,3
PMI ngành sản xuất	chỉ số	51,2	47,7	46,7	45,3	46,2	48,7	50,5	49,7	49,6	47,3	48,9	50,3	50,4	49,9	50,3	50,3
PMI-chỉ số việc làm	chỉ số	51,2	47,7	44,8	47,2	45,0	48,5	49,7	48,3	50,1	48,8	49,9	49,7	50,9	52,1		
Tỷ lệ thất nghiệp (quý)	%				2,3			2,3			2,3			2,2			
Sử dụng lao động - CBCT	% yoy	-1,1	-2,4	-3,7	-4,8	-4,5	0,9	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,5	0,3	1,1	3,4	3,4
Tổng vốn đầu tư	% yoy				5,5			7,6			7,5			5,2			
Đầu tư nước ngoài																	
Vốn đăng ký mới	tỷ USD	1,4	2,3	3,4	2,0	2,6	2,8	1,9	2,1	5,6	3,1	7,8	2,4	1,9	0,5	2,3	
- Chế biến chế tạo	tỷ USD	0,8	1,8	1,2	1,5	1,8	2,5	1,4	1,7	4,8	2,1	2,5	0,9	1,6	1,4	1,1	
Vốn giải ngân	tỷ USD	1,2	1,8	1,5	1,8	2,4	1,6	1,5	2,8	2,1	2,3	2,9	1,5	2,5	3,5	4,5	
Thương mại																	
Xuất khẩu hàng hóa	% yoy	-9,0	-11,0	-17,1	-5,9	-11,4	-3,5	-7,6	4,6	5,9	6,7	13,1	42,0	-5,0	14,2	10,6	15,2
Nhập khẩu hàng hóa	% yoy	-16,2	-15,0	-20,5	-18,4	-16,9	-9,9	-8,3	2,6	5,2	5,1	12,3	33,3	1,8	9,7	15,4	18,2
Cán cân hàng hóa	tỷ USD	-2,0	1,4	2,7	2,0	3,1	2,2	3,8	2,3	3,0	1,3	2,3	2,9	1,1	2,9	0,7	-1,0
Cán cân dịch vụ (quý)	tỷ USD				-2,2			-2,6			-2,8			-2,3			
Chỉ số giá																	
Lạm phát toàn phần	% yoy	4,3	3,4	2,8	2,4	2,0	2,1	3,0	3,7	3,6	3,4	3,6	3,4	4,0	3,8	3,9	4,0
Lạm phát cơ bản	% yoy	5,0	4,9	4,6	4,5	4,3	4,1	4,0	3,8	3,4	3,2	3,0	2,7	3,0	2,8	2,8	2,8
Chỉ số giá đầu vào - PMI	chỉ số	57,6	53,4	50,4	48,4	47,6	48,3	52,8	54,7	55,8	55,9	55,5	55,6	55,0	53,0		
Chỉ số giá đầu ra - PMI	chỉ số	53,6	50,6	48,2	48,4	45,9	46,0	51,2	51,9	52,4	52,1	50,2	49,7	50,8	49,6		

Một số dữ liệu công bố đáng chú ý trong tuần từ **03/06-07/06**

03/06

- ✓ **Đức, Pháp, Mỹ:** PMI sản xuất (Tháng 5)

04/06

- ✓ **Đức:** Tỷ lệ thất nghiệp (Tháng 5)
- ✓ **Nhật Bản:** PMI dịch vụ (Tháng 5), Chỉ số tiền lương (Tháng 5) (yoy)
- ✓ **Trung Quốc:** PMI dịch vụ (Tháng 5)

05/06

- ✓ **Khu vực đồng Euro:** PMI dịch vụ (Tháng 5), PPI (Tháng 4) (mom) (yoy)
- ✓ **Mỹ:** PMI dịch vụ (Tháng 5)

06/06

- ✓ **Khu vực đồng Euro:** Doanh số bán lẻ (Tháng 5)
- ✓ **Mỹ:** Xuất – Nhập khẩu, Cán cân thương mại (Tháng 5), Số lượng đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu
- ✓ **Trung Quốc:** Xuất – Nhập khẩu, Cán cân thương mại (Tháng 5) (yoy)

07/06

- ✓ **Đức, Pháp:** Xuất – Nhập khẩu, Cán cân thương mại (Tháng 5) (yoy)
- ✓ **Khu vực đồng Euro:** GDP Quý I/2024, số lượng việc làm (qoq) (yoy)
- ✓ **Mỹ:** Tỷ lệ thất nghiệp, Chỉ số tiền lương (Tháng 5)

Tài liệu này chỉ phục vụ mục đích tham khảo, VCB không chịu trách nhiệm về bất kỳ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng thông tin trên đây. Các thông tin trong tài liệu này có thể thay đổi theo diễn biến của thị trường và VCB không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này. Tài liệu này là sản phẩm và tài sản của VCB. Các hành vi sao chép sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của VCB đều là trái luật.

*Thông tin liên hệ: Phòng Phát triển sản phẩm và Giám sát giao dịch vốn
Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 84 - 4 - 3934 3137
Email: @vietcombank.com.vn*